

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Bình

Ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1971. (có mặt)

Nơi thường trú: Khu phố 5, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1962. (có mặt)

Nơi thường trú: Khu phố 5, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Số 71 N, khu phố 3, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-5-2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn V sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 30-7-1990. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng làm ăn kinh tế thất bại thì ông V đổ lỗi cho bà dẫn đến không khí gia đình căng thẳng. Mặt khác, mọi công việc trong gia đình thì một mình ông quyết hết, không quan tâm đến ý kiến của bà, thậm chí ông còn đánh đập, có những lời nói xúc phạm đến bà làm cho tinh thần của bà lúc nào cũng bất an. Do lo sợ hành vi bạo lực của ông nên bà đã chuyển đến nhà anh trai bà tại khu phố 4, phường P, thành phố P sinh sống từ ngày 16-5-2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và không ai có ý định hàn gắn. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Giáng H1, sinh năm: 1991 và Nguyễn Trần Thiên T, sinh năm: 1996. Hiện các con bà đã trưởng thành, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho tới nay, đã có 02 con chung và 01 cháu ngoại. Tuy cuộc sống vợ chồng có lúc mâu thuẫn, cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, ông thừa nhận bản thân có đánh bà H trong lúc nóng giận. Việc vợ ông nộp đơn ly hôn chỉ là sự bộc phát, nhất thời, bị tác động ngoài xã hội, ông vẫn rất yêu thương bà nên ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Thị Giáng H1, sinh năm: 1991 và Nguyễn Trần Thiên T, sinh năm: 1996 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 15-01-2023, ông yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như sau:

- Thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại phường P, thành phố P, diện tích 1.073 m², loại đất trồng lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE xxxxxx, số vào sổ cấp GCN: CH xxxxx do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 08-8-2011.

- Thửa đất số C, tờ bản đồ số D (bổ sung), tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, diện tích 7.150 m², loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số E, tờ bản đồ số D (bổ sung), tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, diện tích 11.690 m², loại đất trồng cây hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG xxxxxx, số vào sổ cấp GCN: CS xxxxx do Sở T tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 04-8-2017, cập nhật chuyển nhượng cho bà Trần Thị H ngày 30-12-2019.

- 01 xe ô tô hiệu Mazda CX5, màu xanh, biển số 85A-xxxxx.

Ông yêu cầu được nhận 60% giá trị đối với quyền sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên và toàn bộ xe ô tô hiệu Mazda CX5, biển số 85A-xxxxx.

Tại phiên tòa, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thêm tài sản là thửa đất nông nghiệp tọa lạc tại phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 120 m², loại đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà cấp 4, diện tích xây dựng 90 m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án luôn tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn luôn chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này do yêu cầu của ông V phát sinh sau thời điểm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn V, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà H và ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà H cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, mọi công việc trong gia đình đều do một mình ông V quyết định, không quan tâm đến ý kiến của bà, ông đổ lỗi cho bà trong quá trình 02 vợ chồng làm ăn thất bại, ông còn có hành vi bạo lực gia đình và dùng những lời lẽ không hay để xúc phạm làm cho bà H luôn sống trong cảm giác bất an, sợ hãi. Ông V cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng theo ông là không đến mức để ly hôn, đôi lúc trong lúc nóng giận ông có đánh bà, ông vẫn còn yêu thương bà nên không đồng ý ly hôn.

[2.2] Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có

nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”. Tuy nhiên, quá trình chung sống, bà H và ông V nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông V có hành vi bạo hành gia đình đối với bà H. Tại công văn số 16/CAP ngày 26-01-2023 của Công an phường M, thành phố P thể hiện bà H có đến trình báo Công an phường về việc bị ông V bạo hành bà tại nhà riêng ở khu phố 3, phường M, bà không yêu cầu Công an phường giải quyết vụ việc bạo lực gia đình, không yêu cầu xử lý đối với hành vi vi phạm của ông V mà chỉ yêu cầu Công an phường cấp giấy giới thiệu cho bà đến Bệnh viện đa khoa tỉnh N làm giấy chứng nhận thương tích để có căn cứ giải quyết ly hôn; Giấy chứng nhận thương tích của Bệnh viện đa khoa tỉnh N ngày 19-5-2022 chẩn đoán bà H đa chấn thương vết thương xây xát phần mềm, sưng nề vai phải kích thước 4x4cm, 02 vết xây xát lưng phải, mỗi vết kích thước 3x0.5cm, điều này chứng minh lời trình bày của bà H về mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ. Mặt khác, hiện nay vợ chồng bà H và ông V đã không còn sống chung với nhau và trong thời gian này, cả hai đều mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn và cũng không đồng ý quay về chung sống với ông V vì bà đã suy nghĩ kỹ, không cần thêm thời gian. Điều này chứng tỏ, bà H đã không còn tình cảm vợ chồng với ông V, khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không có. Ông V không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với bà H, nhưng ông V không đưa ra được phương án nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và thực tế hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ ngày 16/5/2022 cho đến nay.

[2.3] Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Giáng H1, sinh năm: 1991 và Nguyễn Trần Thiên T, sinh năm: 1996 đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Đối với yêu cầu chia tài sản chung ngày 15-01-2023 và tại phiên tòa của bị đơn ông Nguyễn Văn V: Xét thấy yêu cầu này của bị đơn phát sinh sau thời điểm Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22-11-2022, cũng như vụ án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 25-11-2022. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không thụ lý, không xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông V trong cùng vụ án này. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn V được quyền khởi kiện yêu cầu

chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004106 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường K;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Long